

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THE WORLD LOGISTICS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THE WORLD LOGISTICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM THE WORLD LOGISTICS TRANSPORTATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108877526

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 167, ngõ 141 phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0918473589

Fax:

Email: [theworldlogistics2019@gmail.com](mailto:theworldlogistics2019@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa                                                                                        | 5222     |
| 2.  | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt;<br>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;<br>- Bốc xếp hàng hoá cảng biển;<br>- Bốc xếp hàng hoá cảng hàng không;<br>- Bốc xếp hàng hoá cảng sông.                           | 5224     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển;<br>- Logistics;<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu;<br>- Đại lý làm thủ tục hải quan. | 5229     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                             | 5221     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                              | 5225     |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                         | 4690     |
| 7.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                               | 7320     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663 |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sắt, thép.<br>- Bán buôn quặng kim loại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 13. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4511 |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651 |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4653 |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4761 |
| 18. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4711 |
| 19. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4741 |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4753 |

|     |                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bưu chính<br>(Điều 21 luật Bưu chính)                                                                                                                                                        | 5310        |
| 22. | Chuyển phát                                                                                                                                                                                  | 5320        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa. | 8299(Chính) |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe taxi                                                        | 4931        |
| 25. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                        | 7912        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                      | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới                                                                           | 5022        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ THỊ THÚY NGÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 17/11/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 163192195

Ngày cấp: 23/09/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 18, đường Nguyễn Bình Khiêm, Xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 18, đường Nguyễn Bình Khiêm, Xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **ĐỖ THỊ THÚY NGÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *17/11/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *163192195*

Ngày cấp: *23/09/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nam Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 18, đường Nguyễn Bình Khiêm, Xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 18, đường Nguyễn Bình Khiêm, Xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*